

**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY - SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH CAO BẰNG**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
VỀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
NÙNG TRÍ CAO**



Tháng 9 năm 2025

**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY - SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH CAO BẰNG**

*

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
VỀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
NÙNG TRÍ CAO**

Tháng 9 năm 2025

LỜI GIỚI THIỆU

Cao Bằng - mảnh đất biên cương địa đầu Tổ quốc, từ ngàn đời nay luôn là “phên giậu” vững chắc, góp phần quan trọng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Suốt chiều dài lịch sử, nơi đây đã sản sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt, in đậm dấu ấn trong tâm thức cộng đồng và trong trang sử vàng của dân tộc. Trong số những bậc tiền nhân, hình ảnh Nùng Trí Cao - một vị thủ lĩnh tài ba, một người con ưu tú của dân tộc Tày, Nùng không chỉ là biểu tượng của sức mạnh và trí tuệ, mà còn là hiện thân của lòng yêu nước, ý chí tự chủ, tinh thần đoàn kết dân tộc, lòng yêu quê hương, tinh thần quật cường sẵn sàng chiến

đầu để bảo vệ bờ cõi không bị kẻ ngoại tộc xâm chiếm. Với những chiến công hiển hách chống quân Tống xâm lược trong thế kỉ XI, ông là vị thần trấn ải biên cương, được Nhân dân kính trọng và lưu truyền qua bao thế hệ, trở thành niềm tự hào và biểu tượng của ý chí quật khởi của Nhân dân các dân tộc Cao Bằng.

Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, lòng tưởng nhớ và tôn vinh các bậc tiền nhân có công lao to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, từ năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đưa tên của Thục Phán - An Dương Vương và Nùng Trí Cao vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025, việc đặt tên hai phường trung tâm mới của tỉnh là Thục Phán và Nùng Trí Cao không chỉ là sự chỉ dẫn về

địa lí, địa danh hành chính, mà còn là biểu tượng của truyền thống lịch sử, văn hóa, niềm tự hào và trách nhiệm của các thế hệ hôm nay tiếp nối và phát huy. Đồng thời hun đúc, bồi đắp niềm tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương; tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong việc bảo tồn, phát huy các di sản, di tích trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; từ đó xác định ý chí quyết tâm, quyết liệt tạo nên bước chuyển biến mới trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Cao Bằng trở thành tỉnh phát triển nhanh, bền vững, vì hạnh phúc của Nhân dân.

Thực hiện Đề án số 19-ĐA/TU, ngày 13/8/2019 của Tỉnh uỷ Cao Bằng về Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống trên quê hương cách mạng Cao Bằng, giai đoạn 2019 - 2025; đặc biệt hướng tới chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 -

2030, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Cao Bằng chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng biên soạn và xuất bản ***“Tài liệu tuyên truyền về nhân vật lịch sử Nùng Trí Cao”***. Tài liệu cung cấp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân những thông tin cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp, vai trò và những công lao, đóng góp to lớn của Nùng Trí Cao đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam nói chung, tỉnh Cao Bằng nói riêng và các giá trị di sản liên quan đến nhân vật lịch sử Nùng Trí Cao tại Cao Bằng.

Tài liệu được tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và cả nước.

Xin trân trọng giới thiệu tới các đồng chí và quý bạn đọc!

**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY - SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH CAO BẰNG**

Phần thứ nhất

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA NÙNG TRÍ CAO

Nùng Trí Cao là nhân vật lịch sử sống vào những năm đầu của thế kỉ XI (1025 - 1053) dưới thời vua Lý Thái Tông. Ông là người anh hùng có công trong cuộc đấu tranh chống quân Tống xâm lược, bảo vệ biên cương phía Bắc của Tổ quốc.

Nùng Trí Cao là con trai của Nùng Tồn Phúc - thủ lĩnh châu Thảng Do¹, quê ở động Tượng Cần, châu Thạch Lâm (thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay). Năm 1038, Nùng Tồn Phúc bất bình với sự

¹ Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý*, Nxb. Khoa học xã hội, 2015, tr.79.

sách nhiều công phú của chính quyền, đã tổ chức quân đội, xây dựng thành trì, lập nước Trường Sinh. Nùng Tồn Phúc tự phong mình là Chiêu Thánh Hoàng đế, phong vợ là A Nùng làm Minh Đức Hoàng hậu và con là Trí Thông làm Điền Nha Vương. Được tin, vua Lý Thái Tông đã đích thân dẫn quân lên trấn áp¹; Nùng Tồn Phúc và con là Nùng Trí Thông bị bắt đưa về kinh xử tử, vợ và con nhỏ là Nùng Trí Cao trốn thoát.

Năm 1041, Nùng Trí Cao và mẹ là A Nùng từ động Lôì Hoả trở về châu Thảng Do, chiêu tập binh mã dựng nước Đại Lịch. Lý Thái Tông sai quân đi đánh, bắt được Nùng Trí Cao đem về kinh đô Thăng

¹ Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.182.

Long nhưng không xử tội mà cho học hành cùng tôn thất nhà Lý. Nùng Trí Cao được nhà Lý phong làm châu mục Quảng Nguyên và được ban thêm bốn động (Lôi Hỏa, Bình, An, Bà) và châu Tư Lang (thuộc các huyện Trùng Khánh và Hạ Lang cũ, tỉnh Cao Bằng). Năm 1043, Nùng Trí Cao được nhà Lý phong chức Thái bảo¹, cấp ấn Đô tướng².

Năm 1048, Nùng Trí Cao tập hợp lực lượng nổi dậy ở động Vật Ác (phía Tây tỉnh Cao Bằng). Năm 1050, ông chiếm giữ động Vật Dương ở châu An Đức (thuộc

¹ Tước hiệu Thái bảo là một trong ba chức quan cao nhất trong triều đình Đại Việt, được gọi là “Tam Công” cùng với Thái sư và Thái phó. Các chức quan này thường được sử dụng để vinh phong những người có công lớn với triều đình hoặc có vị thế cao trong xã hội phong kiến.

² Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư (toàn tập)* (Dịch giả Cao Huy Giu, Hiệu đính Đào Duy Anh), Nxb. Văn học, 2009, tr.187.

tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) lấy động đó làm căn cứ địa, xây dựng nước Nam Thiên, lấy niên hiệu là Cảnh Thụy¹. Sau khi chiếm châu An Đức, Nùng Trí Cao dựa vào địa hình rừng núi, lập căn cứ chiêu nạp quân sĩ, tích trữ lương thực, hoạch định hướng tiến công sang đất Tống².

Năm 1052, Nùng Trí Cao “dẫn 5.000 quân men theo sông Úc Giang đi xuống phía Đông, công phá trại Hoàn Sơn (một trung tâm giao dịch buôn bán lớn gần biên giới), rồi phá Ung Châu, bắt bọn tri châu Trần Cung, quân Tống chết hơn ngàn

¹ Trần Thị Vinh (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam tập 2 từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.212-213.

² Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng: *Địa lí - lịch sử tỉnh Cao Bằng (Tài liệu dùng cho các trường phổ thông tỉnh Cao Bằng)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.125.

người”¹. Để nhanh chóng tập hợp quân chúng, quân Nùng Trí Cao phá nhà tù, ra lệnh đại xá, mở các kho lương thực phát cho dân; nhờ đó, lực lượng Nùng Trí Cao ngày càng phát triển nhanh chóng, khiến cho quân Tống ở vùng Lưỡng Quảng hoang mang lo sợ và chống cự yếu ớt, nhanh chóng quy hàng. Vương An Thạch nói rõ tình trạng này trong bài *Quế Châu tân thành ký*: “Nùng Trí Cao làm phản ở phương Nam, ra vào 12 châu (chỉ vùng Lưỡng Quảng), quan lại đứng đầu 12 châu đó có kẻ chết, kẻ sống, nhưng không một ai giữ được thành”². Cuộc tiến công thắng

¹ Châu Hải Đường (dịch và biên soạn): *An Nam Truyện - Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa, Tổng sử quyển 495 - Man di 3, Quảng Nguyên Châu*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2022, tr.46.

² Dẫn theo: Trương Hữu Quýnh (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.134.

lợi, Nùng Trí Cao lập nước Đại Nam, xưng là Nhân Huệ Hoàng đế và đổi niên hiệu là Khải Lịch¹.

Thanh thế của quân Nùng Trí Cao ngày càng lớn, đội quân tiếp tục dọc theo sông Tầm, xuống sông Tây, tiến tới Quảng Châu. Ngay cả Tống sử cũng phải thừa nhận, quân Nùng Trí Cao “liên tiếp phá chín châu: Hoành, Quý, Cung, Tầm, Đằng, Ngô, Phong, Khang, Đoan. Giết Tào Cận ở Phong Châu, Triệu Sư Đán, Mã Quán ở Khang Châu, ngoài ra giết hại các quan lại rất nhiều... đều quy phục Trí Cao hết, nên Trí Cao thế càng thêm mạnh”². Trong vòng hai tuần mà từ Ung Châu, quân Trí Cao đã

¹ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng: *Địa lí - lịch sử tỉnh Cao Bằng (Tài liệu dùng cho các trường phổ thông tỉnh Cao Bằng)*, Sdd, tr.125.

² Châu Hải Đường (dịch và biên soạn): *An Nam Truyện*, Sdd, tr.46.

đến Quảng Châu. Quân và tướng Tống đều sợ hãi¹. Nùng Trí Cao đánh thành Quảng Châu 57 ngày nhưng không hạ được thành, bèn rút quân. Trong các trận đánh, Nùng Trí Cao đã giết hơn 3.000 tướng tá Tống, bắt hàng vạn người. Sau khi rút khỏi Quảng Châu, Nùng Trí Cao tiến đánh Hạ Châu, nhưng không phá được; bèn rút về phía Tây. Dọc đường Nùng Trí Cao đánh bại nhiều tướng Tống, rồi kéo đánh Tân Châu, lần lượt Tân Châu và Ung Châu đều bị mất. “Trí Cao từ khi khởi binh mới độ một năm, mà giày xéo một phương, như đi vào chỗ không người, quan dân không chịu nổi”². Vua Tống lo lắng sai các quan sở tại:

¹ Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý*, Sđd, tr.80.

² Châu Hải Đường (dịch và biên soạn): *An Nam Truyện*, Sđd, tr.48.

Dur Tĩnh, Dương Điền, Tôn Miễn ra dẹp, nhưng không ngăn nổi.

Vua Lý Thái Tông rất quan tâm đến việc Nùng Trí Cao đánh bại Tống. Thấy quân Tống bị đại bại, biết binh lực Tống ở miền Nam rất kém, vua muốn nhân cơ hội thử thách và dò xét tình hình quân Tống bèn đem hai vạn quân đi đường bể tới Khâm Châu hỗ trợ. Quan nhà Tống là Dur Tĩnh thưa và nhiều lần dâng sớ bàn, Dur Tĩnh tâu: “Ung Châu và Giao Chỉ tiếp đất. Nay nếu ta không nhận lời, Giao Chỉ giận sẽ giúp Trí Cao”. Vua Tống bèn ưng thuận cho phép Tĩnh tự liệu. Nhưng tướng Địch Thanh tâu vua “mượn binh ngoài để trừ giặc bên trong chẳng phải là việc có lợi cho ta. Vì Trí Cao giày phá hai châu, không chế ngự nổi, phải nhờ binh ngoại viện, giả thử binh ấy nhân đó mà dấy loạn, thì ta biết lấy

gì mà chế ngự. Vậy xin bãi viện binh của Giao Chỉ”¹. Tháng Giêng (1053), xuống chiếu ngừng viện binh của Giao Chỉ theo lời thỉnh cầu của Địch Thanh².

Năm 1053, vua Tống cử Tống Địch Thanh làm Tuyên phủ sứ đánh Nùng Trí Cao, trước đó tướng Địch Thanh cầm quân ở vùng Thiểm Tây, nên mang rất nhiều quân kỵ binh đem theo (xuống vùng đồng bằng dùng kỵ binh rất lợi). Nhân ngày thượng nguyên (rằm tháng Giêng), Nùng Trí Cao cho trưng đèn đặt hội, tướng Địch Thanh cho quân tiến qua ải Côn Lôn, thẳng tới thành Ung. Đang đêm, Địch Thanh mặc áo thường, lẫn vào tiền quân mà vượt ải. Nùng Trí Cao được tin báo, đem quân đến

¹ Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý*, Sđd, tr.81.

² Lê Tắc: *An Nam chí lược*, Nxb. Lao động và Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, 2009, tr.224.

chặn, hai quân gặp nhau ở phố Quy Nhân. Tướng Địch Thanh cho bộ binh ra trước, giấu kỵ binh ở sau, còn Nùng Trí Cao thì ngược lại. Lúc giáp trận, quân tiên phong Tống thua, nhưng lệnh của tướng Địch Thanh không dám lùi, lệnh cho kỵ binh hai cánh đổ ra, đánh vào sâu quân kiêu dũng của Nùng Trí Cao, quân tả tiến sang hữu, quân hữu tiến sang tả. Rồi tả lại về tả, hữu lại về hữu, cắt quân ra hai đoạn. Quân Nùng Trí Cao tan vỡ, chết mất hơn ba nghìn¹. Quân Tống Địch Thanh đuổi đến Diên Châu nhưng không kịp.

Nùng Trí Cao đem quân về đóng ở trại Đặc Ma, sai Lương Châu về triều đình Lý cầu viện, Lý Thái Tông sai Chỉ huy sứ Vũ Nhị tiếp cứu cho Nùng Trí Cao nhưng

¹ Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý*, Sđd, tr.82.

không cứu vãn nổi tình thế, cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao đã bị dập tắt. Về số phận của Nùng Trí Cao vẫn còn nhiều nghi vấn chưa được khẳng định rõ. Theo một số tư liệu của Việt Nam như: *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi chép: Địch Thanh đánh phá được Trí Cao. Trí Cao chạy sang nước Đại Lí. Nước Đại Lí chém Trí Cao bỏ đầu vào hòm dâng vua Tống. Theo sách *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý* có viết: Hai năm sau, Dư Tĩnh cho quân vào đạo Đặc Ma, bắt được mẹ, em và con Trí Cao. Còn Trí Cao thì chạy vào nước Đại Lí (thuộc tỉnh Vân Nam, phía Tây Côn Minh, Trung Quốc ngày nay) rồi chết ở đó¹. Theo *Tống sử*: “Đầu niên hiệu Chí Hòa,... đem quân các động vào Đặc Ma

¹ Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý*, Sđd, tr.83.

chặn đánh, bắt được A Nùng cùng em Trí Cao là Trí Quang và con là Kế Tông, Kế Phong, đóng cũi giải về kinh sư... muốn dụ Trí Cao tới, sau nghe lời đồn là Trí Cao đã chết, mới đem hết ra chém... Rồi đó, Tây Xuyên lại tấu Trí Cao chưa chết, đang mưu vào cướp Lê Châu, Nhã Châu. Triều đình xuống chiếu cho lộ ấy phòng bị,... Nhưng, Trí Cao rốt không thấy, không thể biết là còn mất ra sao nữa”¹.

Vua Lý nghe tin thương xót cho lập đền thờ ông ở động Tượng Càn (đền Kỳ Sầm, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng ngày nay), truy phong Khâu Sầm Đại Vương (vua lớn của núi Khâu Sầm); đặc chiếu truy phong bà A Nùng (mẹ của Nùng Trí Cao) là Bà Hoàng Đại Vương.

¹ Châu Hải Đường (dịch và biên soạn): *An Nam Truyện*, Sđd, tr.48-49.

Phần thứ hai
CÁC TƯ LIỆU LỊCH SỬ
VỀ NHÂN VẬT NÙNG TRÍ CAO
TRÊN ĐẤT CAO BẰNG

I. TƯ LIỆU TRUYỀN MIỆNG, TƯ
LIỆU THÀNH VĂN VÀ TƯ LIỆU DÂN
TỘC HỌC

1. Tư liệu truyền miệng

Trong dân gian còn lưu truyền rất nhiều câu chuyện, truyền thuyết xung quanh cuộc đời của Thái bảo Nùng Trí Cao. Những câu chuyện có tình tiết lịch sử pha màu sắc thần thoại, cổ tích nhưng tất cả đều thể hiện lòng kính trọng, suy tôn về anh hùng dân tộc có công chống giặc ngoại xâm, bảo vệ vùng biên cương phía Bắc của Tổ quốc.

1.1. Truyền thuyết thứ nhất

Sau khi cha và anh bị giết năm Tân Ty (1041), mẹ con Nùng Trí Cao từ động Lôi Hỏa trở lại châu Thăng Do. Lúc này Nùng Trí Cao còn nhỏ, ngày ngày đi chăn ngựa cho chú. Bỗng nhiên một hôm trời đất đổi thay, giữa mùa hạ nắng chang chang tự nhiên trời tối sầm lại, gió bão ầm ầm. Một đám mây đen từ đâu bay tới phủ kín con ngựa Trí Cao đang dắt. Rồi một con rồng quần quanh con ngựa, sau 12 tháng, ngựa sinh ra một ngựa con. Lạ thay ngựa con mới sinh ra đã có sẵn đôi cánh và lớn nhanh như thổi, chính là con “Mã Long Cư”. Chỉ vài ngày sau, ngựa con đã cao bằng ngựa mẹ. Nùng Trí Cao tập cưỡi ngựa, cứ mỗi lần nhảy lên lưng ngựa vỗ nhẹ ba cái vào lưng là nó hí vang cả khu rừng, phi nhanh 3 vòng rồi từ từ

rời mặt đất bay qua các ngọn cỏ, lao qua các ngọn núi, đến hôm thứ ba thì bay xa hàng chục dặm.

Nùng Trí Cao ước con “Mã Long Cư” hoàn toàn thuộc về mình. Thế rồi Nùng Trí Cao xin phép trở về quê và xin chú mang theo con ngựa nhỏ, chú Nùng Trí Cao đồng ý. Thời gian sau, vua nhà Lý gọi Nùng Trí Cao đi học ở trường Quốc Tử Giám. Tuy là một cậu học trò nhưng Nùng Trí Cao đã có vợ ở nhà, nhờ con “Mã Long Cư” nên dù học ở tận Thăng Long nhưng đêm nào Nùng Trí Cao cũng phi ngựa bay về nhà. Sáng sớm tinh mơ, con gà trống cất tiếng gáy đầu tiên, Nùng Trí Cao đã phi ngựa xuống trường để kịp giờ vào lớp. Ngày tháng trôi đi, vợ Nùng Trí Cao mang thai, mẹ Nùng Trí Cao thấy điều đó hết sức phi lý, rồi xảy ra mâu thuẫn giữa

mẹ chồng nàng dâu hết sức căng thẳng, cùng với sự xì xào bàn tán của dân làng. Để chứng minh cho sự trong sạch của mình, một hôm nhân lúc Nùng Trí Cao đang ngủ, vợ Nùng Trí Cao giấu đi một chiếc giày. Khi thức dậy, Nùng Trí Cao chuẩn bị quần áo, tư trang chỉnh tề để đi giày phi ngựa xuống trường nhưng không tìm thấy một chiếc giày, lúc này mặt trời nhô lên khỏi đỉnh núi đằng Đông, đã đến giờ điểm trống vào lớp. Nùng Trí Cao thấy xuất hiện trước sân nhà một cô gái lạ xinh đẹp, đó là nàng tiên đến giúp, rồi nàng bảo Nùng Trí Cao lấy khăn tay vẩy ba lần tự nhiên trời tối sầm lại, mọi cảnh vật trở lại màn đêm. Nùng Trí Cao nhào đất sét nặn giày, nhưng chưa xong mặt trời lại ló lên. Nùng Trí Cao phải vẩy đến lần ba, rồi hơ giày khô đi vào chân vội

vàng xuống trường để kịp học. Hiện tượng lạ này đập vào mắt vua, vua đoán chắc lại muốn xuất hiện một ông vua mới. Thế là vua đích thân phi ngựa đến trường Quốc Tử Giám khám xét từng thầy trò mà chẳng thấy điều gì bí ẩn, nhà vua tiếp tục cho học trò xuống ao vớt cây. Một hồi sau phát hiện một chiếc giày Nùng Trí Cao bỏ ra. Nhà vua ra lệnh cho nhà trường tổng giam Nùng Trí Cao. Lúc bị bắt Nùng Trí Cao xin nhà vua được dắt ngựa đi cùng, nhờ “Mã Long Cư” mà Nùng Trí Cao trốn thoát. Nhà vua thấy Nùng Trí Cao cưỡi ngựa bay lên tận trời xanh mà chẳng làm được gì.

1.2. Truyền thuyết thứ hai

Sau khi Nùng Trí Cao lui quân về nước, đến chân dốc Án Lại (nay thuộc xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng, cách trung

tâm tỉnh Cao Bằng khoảng 20km về phía Đông) thì gặp các nàng tiên đánh cờ. Nùng Trí Cao cho con “Mã Long Cư” bay lượn vòng này đến vòng khác mãi mà không thấy các nàng tiên ra lệnh cho chàng hạ cánh. Đến vòng thứ 99 thì con “Mã Long Cư” kiệt sức lao vào quả núi đá vôi chân dốc Án Lại, làm quả núi nghiêng hẳn đi, cho đến nay vẫn còn vết tích hình Nùng Trí Cao cưỡi ngựa lao vào quả núi, và cũng từ đó nhân dân địa phương đặt tên cho quả núi này là “đán trại” tức núi nghiêng. Cũng tại chân dốc Án Lại này, con “Mã Long Cư” không bay được nữa nó đã kiệt sức ngã khụy ngay dưới chân dốc. Từ đó, con đèo cửa ngõ đi vào miền Đông tỉnh Cao Bằng được gắn cái tên “đèo Mã Phục”.

Các nàng tiên phạt Nùng Trí Cao vì chưa cho lệnh mà đã tự tiện cho con “Mã Long Cư” hạ cánh, các nàng cắt cổ Nùng Trí Cao nhưng chưa cho chết hẳn, vì xét thấy Nùng Trí Cao có công đánh giặc ngoại xâm được nhân dân ngưỡng mộ, khâm phục, nên các nàng đã tha tội cho Nùng Trí Cao và cho câu thần chú:

*Mạ tặc nhằng tợn lữn,
Gò cún nhằng pên gần”*

Tạm dịch:

Cây bị gãy còn đâm chồi nảy lộc

Bị cắt cổ vẫn còn nên người

Nhưng với điều kiện dọc đường về nhà Nùng Trí Cao phải gặp ba bà góa chồng, mà khi hỏi họ phải trả lời đúng câu thần chú như trên thì Nùng Trí Cao mới được sống. Nghe theo lời các nàng

tiên, Nùng Trí Cao hỏi bà thứ nhất, bà thứ hai đều trả lời đúng như câu thần chú, thế là Nùng Trí Cao thoát chết. Nhưng tiếc thay Nùng Trí Cao tiếp tục ôm cổ về đến chân cầu thang hỏi mẹ đẻ của mình, mẹ thật thà trả lời rằng:

*“Mạ tặc nhằng tứn lữn,
Gò cún nắm pên gần a lục ới”*

Dịch:

Cây bị gãy còn đâm chồi nảy lộc

Bị cắt cổ không nên người nữa con ơi

Bà vừa nói xong thì lập tức đầu Nùng Trí Cao rơi xuống đất và ngã lăn ra. Trước khi chết Nùng Trí Cao dặn vợ phải ở kiêng ăn chay, không được tắm giặt, gội đầu, thay quần áo... và đóng nắp quan tài để ở trước mặt bàn thờ hương khói 100 ngày đêm không được đi đâu, nếu

làm được như lời dặn thì Nùng Trí Cao sẽ sống lại. Nhưng vợ kiêng được 99 ngày không thấy động tĩnh gì và không còn hy vọng nữa, nàng sửa soạn quần áo ra sông tắm giặt, vợ Nùng Trí Cao vừa ra khỏi nhà, thấy quan tài có tiếng động, mẹ Nùng Trí Cao mở nắp quan tài ra thấy rất nhiều giòi bò nhung nhúc. Bà liền đun một chảo nước lá bưởi thật to đổ vào quan tài. Khi vợ Nùng Trí Cao trở về thấy trong quan tài nhiều con giòi và mỗi con giòi là một binh mã, nhưng đã chết. Như vậy dân làng cho rằng Nùng Trí Cao đã chết không bao giờ sống lại được nữa, ngày hôm sau họ khiêng Nùng Trí Cao đi an táng trước đường cái quan đầu làng. Ba hôm sau họ thấy trên mộ Nùng Trí Cao mọc lên ba khóm trúc đều đặn, chẳng bao lâu mọc thành rừng trúc đẹp. Một hôm có

một ông quan chết, họ khiêng đi chôn, lạ thay đến trước mộ Nùng Trí Cao bị gãy đi một chiếc đòn. Người nhà quan hỏi thăm vào nhà vợ Nùng Trí Cao xin một cây trúc, vợ Nùng Trí Cao bảo nàng trồng giữ để làm kỷ niệm nên bất cứ ai xin cũng không cho. Người nhà quan cố gắng nài nỉ xin không được thì bán cho một cây, nhưng vợ Nùng Trí Cao không đồng ý. Trước thái độ dứt khoát của con dâu, mẹ Nùng Trí Cao thương cho hoàn cảnh người nhà quan, nói với con dâu: Tình làng nghĩa xóm đồng ý bán cho họ một cây, nghe lời mẹ đồng ý bán cho người nhà quan với giá 100 đồng mới bán. Người nhà quan huy động cả đám người đưa ma chỉ có 99 đồng vì không đủ tiền nên vợ Nùng Trí Cao dứt khoát không bán. Mẹ Nùng Trí Cao lại bảo thiếu một

đồng chẳng đáng là bao thuyết phục con dâu lần nữa, vợ Nùng Trí Cao đồng ý bán. Người nhà quan cầm dao chặt nhất thì cây trúc đổ. Bỗng nhiên từ trong khóm trúc bùng cháy lên ngọn lửa to lan ra cháy cả rừng trúc đẹp. Sau đám cháy, dân làng thấy trong đám tro bụi có rất nhiều con người và ngựa nhưng đã chết. Như vậy dân làng cho rằng Nùng Trí Cao đã sang hãm thế giới bên kia không bao giờ trở lại nữa.

1.3. Truyền thuyết thứ ba

Nùng Trí Cao đi đánh giặc, đánh đâu thắng đó và được tiên giúp tặng cho chiếc khăn tay thần diệu có thể cải tử hoàn sinh, được trời ban cho con thần “Mã Long Cư”. Nhờ lòng dân và thần “Mã Long Cư”, thời gian đầu cuộc tiến công thuận lợi, thế mạnh như trúc chẻ ngói tan. Trải

qua nhiều trận chiến với chiến công hiển hách lẫy lừng, Nùng Trí Cao và thần “Mã Long Cu” của mình đã vượt qua muôn vàn phong ba bão táp, cho đến lúc quân giặc đông và mạnh quá, quân của Nùng Trí Cao kiệt sức không thể chống lại quân địch đông gấp bội.

Trong một trận huyết chiến, Nùng Trí Cao bị bao vây, thần “Mã Long Cu” gắng sức “bình sinh” thoát được vòng vây, quay trở về quê, cả người lẫn ngựa đều bị nhiều vết thương. Nùng Trí Cao bị chém vào cổ, hai tay ôm lấy đầu bay đến Thống Sơn thì gặp hai nàng tiên, người quen đang đứng chờ. Hai nàng tiên hỏi: Sao không dùng chiếc khăn? Nùng Trí Cao đáp: Đã dùng 3 lần, phép thuật đã hết. Nơi hai nàng tiên đứng chờ nay mang tên là Lũng Sập (Lũng đón), Lũng Riệc

(Lũng gọi) nay thuộc xã Trà Linh, tỉnh Cao Bằng. Hai nàng hơi lúng túng, nhờ một sợi cỏ bông trước mặt, đếm các đốt rồi nói: Vẫn còn một cơ hội cho Nùng Trí Cao sống, nhưng phải đi gặp 3 bà góa chồng hỏi và các bà cũng phải trả lời đúng câu thần chú “Mạ tặc nhằng tứ lữn, gò cún nhằng pên gần” thì sẽ sống.

Trên đường về, Nùng Trí Cao gặp và hỏi hai bà góa đều trả lời đúng câu thần chú. Nhưng đến người thứ ba chính là mẹ đẻ của Nùng Trí Cao, lúc đó bà đang chờ con dưới chân cầu thang, nghe con hỏi, bà ôm chầm lấy con nức nở: “*Mạ tặc nhằng tứ lữn/ Gò cún nắm pên gần a lục ới!*” (Con ơi cây gậy còn mọc mầm, đầu cột không nên người nữa con ơi!). Sau câu trả lời thật thà của người mẹ, đầu Nùng Trí Cao rơi phịch xuống đất. Nùng Trí Cao cùng con “Mã

Long Cư” bay về trời. Hiện nay trên vách núi Phja Mạ, xóm Bản Hà, xã Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng có dấu tích nhìn giống người cụt đầu cưỡi ngựa màu trắng in trên vách núi đá cao sau đền thờ Nùng Trí Cao.

2. Tư liệu thành văn

Ngoài những truyền thuyết được lưu truyền trong dân gian, những sự kiện liên quan đến cuộc đời cũng như sự nghiệp chống Tống của Nùng Trí Cao đã được ghi chép lại trong sử sách như: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Cao Bằng thực lục*... Những nghiên cứu gần đây trong đó có nội dung về nhân vật lịch sử Nùng Trí Cao như: *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý* của tác giả Hoàng Xuân Hãn (năm 2015); *Lịch sử Việt Nam (tập 2 từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV)* của

Viện Sử học Việt Nam do tác giả Trần Thị Vinh chủ biên (năm 2017)... Không chỉ trong sử Việt Nam mà sử Trung Quốc cũng có những ghi chép về Nùng Trí Cao cũng như cuộc nổi dậy của ông như: *Tống sử, Việt Kiêu thư, An Nam chí lược*... Năm 1992, đề nghiên cứu sâu hơn và làm sáng tỏ về nguồn gốc, công lao cũng như tầm ảnh hưởng của Nùng Trí Cao, Tỉnh uỷ Cao Bằng đã phối hợp với Viện Sử học Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học về nhân vật lịch sử Nùng Trí Cao. Hội thảo bao gồm 15 bài nghiên cứu của các nhà sử học thuộc Viện Sử học Việt Nam và các nhà nghiên cứu lịch sử địa phương. Năm 1995, nội dung của Hội thảo đã được biên tập, xuất bản thành cuốn sách *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)*. Đồng thời, tỉnh Cao Bằng đã tổ chức biên soạn, xuất bản các

cuốn sách: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng* (năm 2009); *Địa lí - lịch sử tỉnh Cao Bằng* (tài liệu dùng trong các trường phổ thông tỉnh Cao Bằng) (năm 2022); *Đền, chùa, miếu Cao Bằng* (năm 2020) và nhiều công trình nghiên cứu khác... phục vụ công tác nghiên cứu, tìm hiểu cũng như tuyên truyền, giảng dạy; trong đó đều dành dung lượng thỏa đáng nêu về nhân vật lịch sử Nùng Trí Cao.

Đặc biệt, tác giả người Mỹ PGS.TS James A.Anderson, giảng viên Khoa Lịch sử, Trường Đại học Bắc Carolina Hoa Kỳ đã nghiên cứu và xuất bản cuốn sách có tên “*The Rebel Den of Nung Tri Cao, Loyalty and Identity Along the Sino - Vietnamese Forontier*” (dịch “*Sào huyết nổi dậy của Nùng Trí Cao - Lòng trung nghĩa và bản sắc dân tộc dọc miền biên giới Việt -*

Trung”). Năm 2012, Tỉnh uỷ Cao Bằng giao Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ dịch cuốn sách và photo 20 bản để các cơ quan nghiên cứu, tham khảo tuyên truyền.

Ngoài ra, còn có những tư liệu ghi chép những câu chuyện huyền tích sưu tầm trong dân gian xung quanh cuộc đời và sự nghiệp của Nùng Trí Cao như: *Huyền thoại dân tộc Tày (Toạ vị đĩa gầu Tày)* của tác giả Hoàng Triều Ân (năm 2010); tiểu thuyết *Dũng tướng miền biên ải* của tác giả Hoàng Quyết (năm 1995); *Thái bảo Nùng Trí Cao - lịch sử và huyền tích* của tác giả Hoàng Bắc; tiểu thuyết lịch sử *Nùng Trí Cao* của tác giả Hoàng Quảng Uyên... Câu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của Nùng Trí Cao còn được viết thành truyện tranh với hình ảnh rất sinh động và lời văn dễ hiểu dành cho lứa tuổi thiếu nhi: *Truyện kể*

về Nùng Trí Cao do Nhà xuất bản Kim Đồng xuất bản...

3. Tư liệu dân tộc học

Tết Rằm tháng Bảy là ngày tết lớn thứ hai sau Tết Nguyên Đán của cộng đồng người Tày, Nùng. Trong dịp này có một loại bánh không thể thiếu trong mâm cúng của người Tày, Nùng là “Pẻng tải”. Pẻng tải là tên gọi chung cho loại bánh được làm bằng bột nếp (bánh kết hợp với lá gai, có nhân đỗ xanh gọi là: pẻng dăm; bột gạo nếp có nhân lạc và thịt gọi là pẻng khao), gói trong lá chuối, được kẹp thành từng đôi một có thể treo lên để tích trữ. Trong dân gian vẫn lưu truyền lại đây là loại bánh mà quân sĩ đã mang theo khi đi cứu viện cho Nùng Trí Cao. Tác giả Vương Hùng trong bài viết *Thái bảo Nông Trí Cao (sử sách, bia miệng, chứng tích và suy*

nghi) in trong cuốn *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)* đã viết: “...Các miếu thờ Nông (Nùng) Trí Cao rải khắp nơi, cúng lễ không cùng một ngày, nơi tháng Giêng, nơi tháng Ba âm lịch. Duy có một ngày cộng đồng Tày, Nùng lễ thống nhất 14/7 âm lịch. Lễ này được coi trọng nhất trong năm, sau Tết Nguyên Đán. Vật cúng là bánh gai và thịt vịt. Đó là bữa ăn chia tay, tất cả hoàng nam đều ra trận. Vũ khí tự tạo, bánh gai (ở địa phương gọi là pêng tải) giắt quanh mình tức tốc ra đi để cứu viện Nông (Nùng) Trí Cao. Hầu hết những người ra đi không trở lại, họ ngã xuống hai bờ sông Bắc Vọng trong trận quyết chiến cuối cùng”¹. Như vậy, Tết Rằm tháng Bảy

¹ Tỉnh ủy Cao Bằng - Viện sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1995, tr.31.

còn là dịp để người dân tưởng nhớ vong linh những chiến binh của nghĩa quân Nùng Trí Cao, lấy ngày 14/7 (âm lịch) làm ngày giỗ của quân binh.

Trong dân gian vẫn lưu truyền lại rằng, sau khi đánh tan quân nhà Tống xâm lược, trấn giữ miền biên viễn, giữ yên bờ cõi, tại các địa phương đi qua, Nùng Trí Cao tổ chức khao quân ăn mừng chiến thắng. Khi đến vùng đất Quảng Uyên ngày nay, đứng vào dịp lễ hội tranh đầu pháo, trong lễ khao quân, Nùng Trí Cao đã chọn một bãi đất bằng phẳng và huy động lực lượng trai tráng trong vùng chia thành nhiều đội để tranh đầu pháo. Hoạt động này nhằm rèn luyện sức khỏe của các tráng sĩ, nêu cao tinh thần thượng võ. Nếu đội nào thắng, cướp được đầu pháo thì sẽ gặp may mắn, tài lộc cả năm. Nùng Trí Cao cho quân lính

quay lộn và cho làm rất nhiều mâm cơm đặt trước cửa các nhà trong vùng để tất cả những người đến chơi hội đều được mời ăn mừng chiến thắng. Từ đó về sau, trong thời gian diễn ra lễ hội, tất cả các gia đình trong vùng đều chuẩn bị sẵn một mâm cơm trước cửa để mời khách thập phương đến chơi hội. “Mâm cơm đón bạn” đã trở thành một phần không thể thiếu trong Lễ hội Tranh đầu pháo, xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng và trở thành một biểu tượng mang đậm tính nhân văn và tồn tại cho đến ngày nay.

Lễ hội Tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà (nay là xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng) đã được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia tại Quyết định số 2745/QĐ-BVHTTDL, ngày 30/9/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. CÁC DI TÍCH LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT NÙNG TRÍ CAO Ở CAO BẰNG

Nùng Trí Cao là một nhân vật lịch sử, được nhân dân các tộc người Tày, Nùng tôn kính. Trong văn hóa, tín ngưỡng dân gian, Nùng Trí Cao đã trở thành một biểu tượng văn hóa, một vị thần sáng tạo, một anh hùng huyền thoại trong đời sống tâm linh của người dân Cao Bằng. Để tưởng nhớ ơn đức của Nùng Trí Cao, nhân dân nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng lập đền thờ ông.

1. Đền Kỳ Sầm

Đền Kỳ Sầm tọa lạc trên một quả đồi với khuôn viên khá rộng tại tổ dân phố 9, phường Nùng Trí Cao. Đây là ngôi đền thờ Nùng Trí Cao được nhắc đến sớm và nhiều nhất trong sử sách (khi cuộc nổi dậy của

Nùng Trí Cao bị dập tắt, Vua Lý thương xót cho lập đền thờ ông và truy phong Khâu Sầm Đại Vương). Đền thờ được nhà Lý phong Thượng Đẳng thần, xuân thu nhị kỳ quốc tế; các triều đại sau gia phong mỹ tự: Khâu Sầm tế thế, an dân hân ngoại, ninh thủy trấn dịch, anh nghị quả đoán hiển ứng thùy hưu, hộ quốc an dân Đại Vương.

Trải qua biến thiên của lịch sử, đền Kỳ Sầm hiện nay được xây dựng theo kiến trúc hình chữ nhật, có nhà bái đường và hậu cung, mang dáng dấp phong cách thời nhà Nguyễn. Tại nhà Bái đường có một bệ thờ ban công đồng. Phía trong hậu cung có ba ban thờ: Ban thờ ở giữa thờ Nùng Trí Cao, ban thờ bên trái thờ A Nùng - mẹ của Nùng Trí Cao, ban thờ bên phải thờ ba vợ của Nùng Trí Cao: Vương Lan Anh, Đoàn Hồng Ngọc, Trần Thị Cầm.

Lễ hội đền Kỳ Sầm được tổ chức vào ngày 10 tháng Giêng hằng năm, là một trong những hội đền, chùa lớn nhất của tỉnh Cao Bằng, thu hút đông đảo du khách từ khắp nơi đến dự hội, vui Xuân. Lễ hội được tổ chức hai phần rõ ràng: phần lễ trang trọng và tôn nghiêm; phần hội tươi vui, sôi động. Phần lễ bắt đầu từ tối mùng 9 tháng Giêng với các nghi lễ truyền thống, hun đúc niềm tự hào và bản sắc văn hóa địa phương. Ngày hội mùng 10 tháng Giêng hằng năm là dịp để du khách đến dự hội, cầu lộc, cầu tài và mong mưa thuận gió hòa cho một năm mới tốt lành. Tại lễ hội, du khách có cơ hội tham gia nhiều trò chơi dân gian hấp dẫn như cờ tướng, tung còn, đu tre, đi cà kheo, bịt mắt đập bóng... ngoài ra còn được thưởng thức các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương với không gian hát then, đàn tính,

viết thư pháp và giới thiệu sản phẩm đặc sản địa phương...

Đền Kỳ Sầm được xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 43-VH/QĐ, ngày 07/01/1993 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Tại khuôn viên đền có 3 cây cổ thụ được Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam công nhận là Cây Di sản Việt Nam năm 2014, gồm: cây đa tía (“Co mạy lòng”) trên 800 năm tuổi, cây muỗm (“Mạy mác cai”) trên 400 năm tuổi và cây gạo (“Mạy nghịu”) trên 200 năm tuổi.

2. Đền thờ Nùng Trí Cao, xã Quảng Uyên

Đền thờ Nùng Trí Cao thuộc xóm Phố Cũ, xã Quảng Uyên. Dân làng thờ ông như một vị thần linh bảo vệ dân bản, xóm làng. Trải qua nhiều lần trùng tu, vào

năm 2016 nhân dân địa phương đã công đức xây dựng lại ngôi đền với quy mô khá lớn và khang trang. Nơi trang trọng nhất thờ Nùng Trí Cao, bên cạnh có thờ Phật bà Quan Âm và thổ công - đây là hai nhân vật được thờ trong tín ngưỡng của người Tày, Nùng.

Theo lời kể của các cụ cao tuổi trong vùng, trước đây tại đền tổ chức tứ kỳ tế lễ (xuân, hạ, thu, đông) gọi là lễ thần phúc. Mùa xuân, tổ chức vào ngày mùng 1 và mùng 2 tháng 2 âm lịch. Mùa hạ tổ chức tế lễ vào ngày 5 tháng 5 âm lịch. Mùa thu, tổ chức tế lễ vào ngày mùng 2 tháng 8 âm lịch. Mùa đông, tổ chức tế lễ vào ngày 23 tháng Chạp. Nghi lễ được diễn ra trang nghiêm, chủ tế phải là người cao tuổi có uy tín trong dân làng đứng ra làm mọi nghi thức lễ cầu cho dân làng được mạnh khỏe,

mùa màng bội thu. Sau khi tiến hành các nghi thức lễ thần xong, dân làng cùng nhau thụ lễ, khi ra về, mỗi gia đình được chia một phần lễ nhỏ mang về gọi là “slản phúc” (thần phúc).

Ngoài bốn kỳ tế lễ được quy định trong năm, vào ngày mừng một, ngày rằm hằng tháng hoặc khi trong gia đình có việc hiếu, hỷ nhân dân trong vùng đều đến thắp hương cầu khẩn để mọi việc được diễn ra suôn sẻ.

Riêng kỳ tế lễ mùa xuân gắn liền với Lễ hội Tranh đầu pháo, phần lễ được thực hiện từ chiều 30 tháng Giêng với lễ khai quang - mở mắt rồng tại mỏ nước Cốc Chủ. Sau lễ khai quang, Ban tế, đội múa rồng và kiệu rước sẽ làm lễ tế lần lượt tại miếu Bách Linh, đền thờ Nùng Trí Cao, đền thờ Trần Hưng Đạo. Đến ngày mừng

2 tháng 2 âm lịch, đoàn lại tiếp tục thực hiện nghi lễ qua các miếu và đền như buổi chiều 30 tháng Giêng, sau đó mới diễn ra phần hội vào buổi chiều cùng ngày.

Đền thờ Nùng Trí Cao, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa (nay thuộc xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng) được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 63/QĐ-UBND, ngày 13/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

3. Đền thờ Nùng Trí Cao, xã Trường Hà

Đền thờ Nùng Trí Cao được dựng gần chân dãy núi Phja Mạ, thuộc xóm Cốc Vương, xã Trường Hà. Theo các cụ cao niên kể lại, đây là miền đất mà Nùng Trí Cao đã có thời gian đóng quân và che chở cho dân làm ăn yên ổn. Hiện nay, nơi đây vẫn còn có những địa danh liên quan

tới hoạt động của Nùng Trí Cao: Dựng doanh trại, bãi tập ở khu vực Đổng Lìu Thua Đôn, Cốc Vương; chốt gác ở cây đa đầu làng (giáp với đường biên giới Việt - Trung). Lúc đóng quân ở đây, đã có nhiều cuộc giao tranh với giặc phương Bắc (giặc Tống) bảo vệ thần dân, đặc biệt khu vực Háng Cẩu là bãi chiến trường giữa quân của Nùng Trí Cao và quân phương Bắc giao chiến đẫm máu. Quân giặc tử trận đã được bên ta đào hố chôn cất ở khu vực Đổng Rịn, Háng Cẩu. Khi Nùng Trí Cao đem quân vào các vùng phụ cận của nước Tống giao chiến đã tử trận. Hàm nhớ công đức của ông đã có những năm tháng bảo vệ thần dân nơi đây làm ăn yên ổn, từ đó nhân dân lập đền thờ ông.

Đền thờ Nùng Trí Cao trước kia được dựng bằng gỗ, trải qua thời gian dài bị

xuống cấp, đến năm 1889, đền được các quan, chức sắc các tri châu, chánh tổng, lý trưởng góp tiền của để xây dựng ngôi đền khang trang hơn với kiến trúc hình chữ Nhị. Trong hậu cung nơi trang trọng nhất đặt bài vị Nùng Trí Cao, hai bên có hai tượng vệ sĩ. Trước sân có dựng một tấm bia đá ghi lại sự kiện và tên những người đã có công đóng góp tiền của để dựng lại đền thờ Nùng Trí Cao. Năm 1979, đền bị phá huỷ hoàn toàn, đến nay đền đã được trùng tu, hệ thống tượng thờ được bài trí như trước.

Lễ tế trước đây được tổ chức vào ngày mùng 3 tháng 3 âm lịch hằng năm. Phần lễ có mời các bà bụt/then đến để mời linh hồn thần vương về chứng giám thần dân báo ân. Vào những năm nhuận, dân làng mô trâu làm lễ tế khao quân sĩ của Nùng Trí

Cao. Ngày nay, lễ tế được tổ chức vào ngày mùng 9 tháng Giêng hằng năm. Trước khi diễn ra phần hội sẽ tổ chức tế lễ tại Đền thờ Nùng Trí Cao, phần hội diễn ra tại sân vận động xã Trường Hà.

Đền thờ Nùng Trí Cao, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng (nay là xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng) đã được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 2821/QĐ-UBND-VX, ngày 26/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

4. Đền thờ Nùng Trí Cao, xóm Bản Hà, xã Hà Quảng (Slán Nà Mạ)

Đền thờ Nùng Trí Cao được dựng dưới chân núi Phja Mạ, thuộc xóm Bản Hà, xã Hà Quảng. Theo các cụ cao niên tại địa phương, đền được xây dựng vào thời Hậu Lê. Cộng đồng người Tày, Nùng nơi đây thần thánh hoá Nùng Trí Cao như một

vị thần nông, thần bảo vệ bản làng, ban phúc lộc, mang lại sự may mắn, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Đền thờ tổ chức tế lễ vào tháng Giêng hằng năm, với ý nghĩa cầu trời, cầu đất, cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, cầu cho quốc thái, dân an. Đối với những năm hạn hán kéo dài, vào khoảng tháng 6 - 7 âm lịch (trước Rằm tháng Bảy), nhân dân xem được ngày tốt, tập trung về đền tổ chức tế cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt.

Đền thờ Nùng Trí Cao tại xóm Bản Hà, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng (nay là xã Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng) được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 430/QĐ-UBND-VX, ngày 27/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

5. Đền Bà Hoàng, phường Nùng Trí Cao

Đền Bà Hoàng được dựng ở chân núi Kim Pha, thuộc phường Nùng Trí Cao. Đền thờ Minh Đức Hoàng hậu A Nùng, vợ của Nùng Tôn Phúc, mẹ của Nùng Trí Cao. Thời nhà Lý, đền Bà Hoàng được phong là thượng đẳng thần, xuân thu nhị kỳ quốc lễ. Các triều đại sau gia phong mỹ tự: “Bà Hoàng phổ ứng hiển linh diệu cảm, Hồng hựu tĩn trấn hiển phu linh thông, phục viễn ninh cảnh, Vũ di hiển hựu, Cảm ứng hộ quốc, Ninh dân dương vũ đình công đại vương”.

Theo những câu chuyện được lưu truyền trong dân gian, Minh Đức Hoàng hậu là một người phụ nữ đôn hậu, mưu lược, tài giỏi. Bà đã có công nuôi dạy, rèn luyện võ nghệ cho Nùng Trí Cao, sau này Trí Cao đã trở thành một anh hùng giúp

nhà Lý trần ải biên cương. Bà còn giúp con điều binh khiển tướng, thành lập đội kỵ binh, dạy võ nghệ cho binh sĩ, được nhà Lý mời làm cố vấn cho các tướng lĩnh. Ngoài ra, bà còn dạy nhân dân biết chăn nuôi gia súc béo tốt nên nhân dân suy tôn bà là thần gia súc.

Lễ hội đền Bà Hoàng được tổ chức vào hai ngày 15 tháng Giêng và mừng 5 tháng 5 âm lịch hằng năm với mục đích cầu mùa. Đền Bà Hoàng, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng (nay là phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng) được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 2485/QĐ-UBND, ngày 04/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

6. Miếu Khỉ Vài, xã Hà Quảng

Miếu Khỉ Vài được dựng lên từ lâu trên địa bàn xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng

(nay thuộc xã Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng). Theo lời kể của người dân trong vùng thì đây là một ngôi miếu nhỏ xây dựng bằng gỗ, thờ Minh Đức Hoàng hậu A Nùng, mẹ của Nùng Trí Cao. Trải qua thời gian thăng trầm của lịch sử, ngôi miếu không còn, chỉ còn lại nền đất.

7. Miếu Nà Thịn, xã Cần Yên

Miếu Nà Thịn được dựng trên một gò đất thấp, hướng quay về phía Tây Nam xóm Hưng Đạo, xã Cần Yên, tỉnh Cao Bằng. Miếu thờ Nùng Trí Cao, người dân nơi đây tôn ông là Thần Nông của làng, cai quản một vùng đất rộng lớn, luôn phù hộ độ trì cho dân an, vật thịnh, mùa màng tươi tốt...

Lễ hội miếu Nà Thịn được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng Giêng hằng năm. Buổi sáng nhân dân xóm Nà Thịn tổ chức dâng lễ

tại miếu, buổi chiều diễn ra phần hội, nhân dân các xã lân cận đến chơi hội rất đông.

Miếu Nà Thịn đã được đưa vào Danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (kèm theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng).

Ngoài những di tích đã kể trên thì Nùng Trí Cao còn được đưa vào phối thờ trong một số đền, chùa trong tỉnh. Đồng thời, ở Cao Bằng có nhiều địa danh gắn với truyền thuyết Nùng Trí Cao như: Phja Mạ, Vằng Lầy, Vằng Lắc (trên sông Bắc Vọng), Háng Riêng (thuộc xã Bế Văn Đàn); kéo Cò Ma, Sải Kháng (Sải Càng), Tắc Kha, Nà Rắc (thuộc xã Quảng Uyên); Khau Dắm (thuộc phường Nùng Trí Cao); đèo Mã Phục - nơi ngựa của Nùng Trí Cao

một quả ngã gục, núi Mạ Bân - nơi ngựa của Nùng Trí Cao bay lên trời (thuộc xã Trà Lĩnh)¹.

Hệ thống di tích đền, miếu, địa danh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã cho thấy rằng: Nùng Trí Cao là nhân vật lịch sử có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Việc tổ chức lễ hội, tôn thờ Nùng Trí Cao hiện nay ở các địa phương mang ý nghĩa tích cực, là hoạt động tri ân, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của nhân dân. Đồng thời thể hiện tư tưởng, tình cảm, truyền thống tốt đẹp của nhân dân địa phương đối với Nùng Trí Cao - người có công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Tống dưới thời Lý ở thế kỉ XI.

¹ Dẫn theo: Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Sđd, tr.192.

Phần thứ ba
GHI NHẬN VÀ TÔN VINH
NHÂN VẬT NÙNG TRÍ CAO
TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC
VÀ QUÊ HƯƠNG CAO BẰNG

Cao Bằng, mảnh đất địa linh nhân kiệt, tự hào là quê hương của Nùng Trí Cao - vị anh hùng dân tộc trong lịch sử dân tộc và địa phương. Nùng Trí Cao được nhân dân Tày, Nùng miền biên giới kính trọng, là người đã có vai trò quan trọng và công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ XI, được Vua Lý ghi nhận và ca ngợi. Từ một anh hùng dân tộc, Nùng Trí Cao đã trở thành biểu tượng văn hóa, có ảnh hưởng sâu rộng

không chỉ trong cộng đồng các dân tộc miền núi phía Bắc mà còn vượt ra ngoài biên giới Việt Nam. Những ghi nhận và tôn vinh về nhân vật này góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương Cao Bằng.

I. THỦ LĨNH NÙNG TRÍ CAO CÓ CÔNG LAO TO LỚN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG TỔNG DƯỚI THỜI LÝ Ở THẾ KỈ XI

1. Vai trò to lớn của Nùng Trí Cao trong cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ XI được Vua Lý ghi nhận

Sử sách Việt Nam và Trung Quốc đều ghi lại khá rõ nét về cuộc đời và sự nghiệp của Nùng Trí Cao. Theo đó, “Họ Nùng là một dòng họ lớn ở châu Quảng Nguyên. Châu Quảng Nguyên thuộc phạm vi tỉnh

Cao Bằng ngày nay. Vào thời Lê đổi thành châu Quảng Uyên. Nhưng có lẽ châu Quảng Nguyên ở thời Lý rất rộng. Vào thế kỉ X, Nùng Dân Phú đã được vua Nam Hán phong cho làm thủ lĩnh 10 châu ở Quảng Nguyên - một vùng đất có nhiều khoáng sản, nhất là vàng. Vì thế, ngay từ thế kỉ XI, vùng đất này luôn được nhà Lý của Đại Việt cũng như nhà Tống ở Trung Quốc để mắt tới. Trong tất cả các tộc người sống ở vùng Quảng Nguyên thì họ Nùng là họ có thế lực nhất. Cho đến đầu thời Lý, họ Nùng đã nắm giữ các chức thủ lĩnh ở vùng Quảng Nguyên rộng lớn. Nùng Tồn Phúc (cha Nùng Trí Cao) làm thủ lĩnh châu Thảng Do (Trung Thảng - Cao Bằng)”¹. Thêm vào đó, *Tống sử* có

¹ Trần Thị Vinh (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam (Tập 2) Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV*, Sđd, tr.208-209.

chép: “Người man ở châu Quảng Nguyên là họ Nùng. Châu ấy ở đầu nguồn sông Úc Giang, tây nam Ung Châu, đất cheo leo hiểm trở, sản hoàng kim, đan sa, có rất nhiều bộ lạc tụ cư thành ấp”¹. Những ghi chép này cho thấy dòng họ Nùng có vị thế đặc biệt và tầm ảnh hưởng sâu rộng tại vùng đất Cao Bằng giàu tài nguyên, thu hút sự chú ý của cả Đại Việt và nhà Tống (Trung Quốc).

Vào thế kỉ XI, vùng biên giới phía Bắc của Đại Việt diễn ra cuộc đấu tranh phức tạp, gay gắt giữa hai vương triều Lý và Tống. Nhà Lý cố gắng củng cố an ninh biên giới bằng *chính sách nhu viễn* kết hợp mềm dẻo và kiên quyết. Một mặt, nhà

¹ Châu Hải Đường (dịch và biên soạn): *An Nam Truyện*, Sđd, tr.44.

Lý thu hút và đoàn kết các tù trưởng miền núi qua việc phong tước, gả công chúa, nhằm thắt chặt quan hệ giữa triều đình Trung ương và các dân tộc thiểu số vùng núi. Mặt khác, nhà Lý khéo léo đối phó với các âm mưu lôi kéo, chia rẽ các tù trưởng và dân tộc vùng biên giới, đồng thời dập tắt các cuộc nổi dậy có xu hướng cát cứ địa phương.

Chính sách mềm mỏng và khôn khéo của các vua nhà Lý đã đưa đến kết quả là phần nhiều các bộ lạc miền núi đã quy phục triều đình. Nhiều thủ lĩnh, tù trưởng đã theo về với triều đình và trở thành “cánh tay phải” đắc lực của chính quyền trung ương, góp phần giúp duy trì sự ổn định và phát triển của quốc gia, như họ Thân ở Lạng Châu (một phần Bắc Giang - nay thuộc tỉnh Bắc Ninh và Lạng Sơn),

họ Hà ở Vị Long (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang)... Đối với chính quyền Trung ương thời Lý, các châu mục ở xa phải thực hiện chế độ cống nạp các loại sản phẩm như lâm thổ sản hay khoáng sản địa phương lên triều đình. Còn trên thực tế, về mặt quản lý hành chính thì chính quyền địa phương ở các châu xa miền biên viễn vẫn thuộc quyền tự quản hay tự trị của các tù trưởng hoặc châu mục. Vì vậy, đôi khi do sự bất bình nào đấy, tù trưởng các địa phương đã nổi dậy chống lại triều đình, thành xu hướng cát cứ hoặc tách ra lập vương quốc riêng và thoát ly khỏi ảnh hưởng của chính quyền Trung ương. Dưới thời Lý, mỗi khi có tù trưởng địa phương nổi dậy, ảnh hưởng đến sự an bình của cộng đồng dân tộc, buộc triều đình phải dùng đến biện pháp bình định

hoặc đánh dẹp khi cần thiết. Nhờ những biện pháp này, nhà Lý đã đạt được nhiều thành công.

Đặc biệt, nhà Lý rất coi trọng vùng Quảng Nguyên (tức Cao Bằng ngày nay). Trong giai đoạn Nùng Trí Cao phục tùng nhà Lý, Vua Lý Thái Tông đánh giá cao tài năng và uy tín của Nùng Trí Cao trong khu vực biên giới. “Biết tin họ Nùng không nộp cống, xưng thần chống lại triều đình, tháng 2 năm 1039 vua Lý Thái Tông tự làm tướng đem quân đi đánh... Năm 1041, Nùng Trí Cao cùng mẹ là A Nùng từ động Lôi Hỏa lại về chiếm cứ châu Thảng Do, đổi châu ấy làm nước Đại Lịch. Vua Lý Thái Tông lại phải sai tướng đi đánh, bắt được Nùng Trí Cao đem về kinh sư...”¹

¹ Trần Thị Vinh (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam (Tập 2) Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV*, Sđd, tr.209-210.

nhưng ông không bị trừng phạt mà còn được tha tội, tiếp tục giao cho quản lý vùng đất rộng lớn và quan trọng ở khu vực biên giới như châu Quảng Nguyên, cùng thêm châu Tư Lang và bốn động Lôì Hỏa, Bình, An, Bà. Năm 1043, ông được phong giữ chức Thái bảo, cấp ấn Đô tướng. Chiếu viết: “Họ Nùng từ lập quốc nối dòng giữ yên đất vàng Quảng Nguyên châu - Quốc thái dân an. Họ Nùng cùng muôn dân trải tháng năm dày công trạng. Nùng thủ lĩnh nổi nghiệp đức trọng, tài cao không phụ ân nghĩa triều đình giữ vững miền đất vàng Quảng Nguyên. Nay trẫm phong Thủ lĩnh Nùng Trí Cao chức Thái bảo, trao đô ấn, ân uy cùng coi giữ an biên Đại Việt”¹.

¹ Hoàng Bắc: *Thái bảo Nùng Trí Cao - Lịch sử và huyền tích*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2025, tr.41-42.

Với tước hiệu Thái bảo là một trong ba chức quan cao nhất trong triều đình Đại Việt, thì lần đầu tiên một thủ lĩnh tộc người thiểu số từ vùng biên viễn xa xôi lại được trao trọng trách lớn như vậy - một chức quan cao trong hệ thống quản lý của triều đình, nhưng lại không ở tại kinh thành Trung ương. Chỉ có vùng đất châu Quảng Nguyên, với Thủ lĩnh Nùng Trí Cao, mới nhận được sự tin cậy và phong thưởng đặc biệt của vua, mà không vùng đất nào khác trước đó hoặc sau này có được sự hậu đãi và trọng dụng như vậy. Sử gia Lê Văn Hưu đã bình luận về thái độ dung dưỡng của vua Lý Thái Tông đối với Nùng Trí Cao là: “Thái Tôn say đắm cái lòng nhân nhỏ nhất của nhà Phật mà quên mất cái nghĩa lớn của người làm

vua”¹; nhưng qua các diễn biến sự kiện thời đó, chúng ta thấy vua Lý rất uyên chuyên và thực tế trong việc giải quyết vấn đề ở vùng biên viễn mà chưa từng bao giờ quên nghĩa lớn của người làm vua.

Sau này, “Nùng Trí Cao không chịu quy phục vẫn tiếp tục nổi loạn vào năm 1048, chiếm giữ động Vật Ác (phía Tây tỉnh Cao Bằng). Vua Lý sai Thái úy Quách Đình Dật đi đánh, Trí Cao phải hàng”². Việc thu phục Nùng Trí Cao, một nhân vật có vai trò quan trọng, đã ảnh hưởng rất lớn đến triều đình nhà Lý. Cụ thể, sau khi nhà Lý thành công trong việc

¹ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư (toàn tập)*, (Dịch giả Cao Huy Giu, Hiệu đính Đào Duy Anh), Sđd, tr.188.

² Trần Thị Vinh (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam (Tập 2) Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV*, Sđd, tr.211.

thu phục ông, hai lần vua Lý Thái Tông đều đổi niên hiệu: lần 1, “Càn Phù Hữu Đạo (1040 - 1042) ghi nhớ việc bắt được Nùng Tồn Phúc, việc con vua Chiêm Thành là Địa Bà Lạt cùng bọn Lạc Thuần, Sạ Đẩu, La Kế, A Thát Lạc sang quy phục và việc châu Quảng Nguyên dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng, châu Định Biên tâu bản xứ có hổ bạc. Càn phù hữu đạo: Càn là trời, phù là mệnh phù, hữu đạo có thiên đạo. Điền trời ban mệnh đúng theo thiên đạo nên bên ngoài quy phục, bên trong trời ban vàng bạc”¹. Lần 2, “Sùng Hưng Đại Bảo (từ tháng 2 năm 1049 - 1054) ghi nhớ việc đánh Ai Lao và nhất là việc đánh Nùng Trí Cao bồng trời mù,

¹ Nguyễn Duy Hinh: *Văn minh Đại Việt*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2017, tr.655.

sét đánh khiến Nùng Trí Cao phải ra hàng. Sùng Hưng Đại Bảo là nhờ sùng bái Thiên mệnh nên được báu lớn (tức chiến thắng lớn). Đó là tư tưởng Thiên mệnh”¹. Điều này cho thấy tầm ảnh hưởng và tác động của các sự kiện liên quan đến nhân vật lịch sử Nùng Trí Cao đối với chính trị và đời sống của triều đình lúc bấy giờ.

Đồng thời, Nùng Trí Cao cũng có công lao rất lớn đối với triều đình nhà Lý, cuộc tấn công của Nùng Trí Cao vào đất Tống cũng đã góp phần làm suy yếu lực lượng quân Tống, giúp triều đình Lý thăm dò được lực lượng quân Tống ở phương Nam. Nhờ đó, nhà Lý về sau càng tự tin và kiên quyết hơn trong việc giữ gìn độc lập và

¹ Nguyễn Duy Hinh: *Văn minh Đại Việt*, Sđd, tr.655.

biên cương phía Bắc. Và phải chăng cũng trên cơ sở kinh nghiệm và sự đánh giá thực lực nhà Tống của các cuộc tấn công từ Ung Châu đến Quảng Châu của Nùng Trí Cao mà hơn 20 năm sau, cuối năm 1075, Thái úy Lý Thường Kiệt đã quyết định “tiên phát chế nhân”, xuất quân tiến đánh Ung Châu, Khâm Châu và Liêm Châu để chủ động tiêu diệt các căn cứ chuẩn bị xâm lược của quân Tống, mở đầu cuộc kháng chiến chống Tống. Nhà Lý đã khá thành công trong việc bảo vệ lãnh thổ của mình, trong khi đó khách quan có phần đóng góp của cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao¹.

Nhiều truyền thuyết đã góp phần khẳng định mối quan hệ tốt đẹp giữa Nùng Trí Cao

¹ Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.141.

với vua Lý, triều Lý và người Kinh như nói rằng ông “được một vị tướng họ Trần cứu mang, ông lấy một vợ người Kinh họ Trần (Nàng Cầm), ông đã từng theo quân Lý đi đánh “giặc gió sóng”... Khi Nùng Trí Cao thua trận trên đất Tống, trong lúc tướng Vũ Nhị chưa kịp đem quân sang cứu viện như lệnh vua Lý thì người anh vợ là tướng họ Trần cùng với vợ là Nàng Cầm đã hết lòng cứu giúp và cả hai đều hy sinh. Nơi vị tướng họ Trần bị vùi xác được gọi là Ngườm Pục (Hang Vùi) và sau dân chúng dựng miếu thờ ông với tên gọi là đền Quan Chẻng”¹.

Sau khi Nùng Trí Cao mất, sự kiện Vua Lý đặc chiếu sắc phong ông là Khâu Sầm Đại Vương và cho lập đền thờ ông

¹ Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)*, Sdd, tr.186-187.

là một ân điển rất đặc biệt của nhà Lý dành cho Nùng Trí Cao. Các triều về sau đều gia phong cho ông mỹ tự “Khâu Sầm tế thế, an dân án ngoại, ninh thù trấn địch, anh nghị quả đoán, hiển ứng thù hưu, hộ quốc an dân đại vương”. Thế kỉ XIX, nhà Nguyễn phong tiếp “Kỳ Sầm biên tái bảo quốc an dân phúc thần”¹. Điều này đã cho thấy sự ghi nhận vai trò to lớn của ông trong cuộc kháng chiến chống Tống là “đã cùng với triều đình bảo vệ và giữ vững toàn vẹn cương thổ phía bắc của Tổ quốc”².

¹ Sắc này Phòng Bảo tồn, Ty Văn hóa (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh Cao Bằng giữ, trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc tháng 02/1979 mới bị mất. Dẫn theo: Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.31.

² Trương Hữu Quýnh (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Sđd, tr.135.

Nhà Lý dành sự quan tâm đặc biệt đối với Nùng Trí Cao và vùng Quảng Nguyên thể hiện rõ tinh thần đoàn kết dân tộc, tầm nhìn xa rộng của triều đình. Điều này cũng phản ánh sự tin tưởng tuyệt đối của vua Lý Thái Tông dành cho vị thủ lĩnh tộc người thiểu số Nùng Trí Cao, cũng như vai trò chiến lược quan trọng của vùng đất Quảng Nguyên trong việc giữ vững an ninh biên cương của đất Đại Việt. Có thể coi trường hợp Nùng Trí Cao là một minh chứng cơ bản về chính sách vừa “cương”, vừa “nhu” của nhà Lý đối với dân tộc thiểu số nhằm “tha tội cho các thủ mục”, “vỗ yên dỗ bảo nhân dân”... như ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử lược* và là một chính sách đặc biệt của nhà Lý để yên bề nơi vùng biên viễn.

2. Thủ lĩnh Nùng Trí Cao được đồng bào Tày, Nùng miền biên giới tôn vinh là anh hùng dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ XI

Đối với miền biên giới nước ta, nhà Tống luôn luôn có ý đồ xâm lấn đất đai, giành dân bằng nhiều thủ đoạn khác nhau. Xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể của thế kỉ XI - XII, khi nhà nước phong kiến Đại Việt chưa đủ mạnh để thực thi quyền lực đến vùng biên viễn nên có lúc các thủ lĩnh, tù trưởng địa phương nổi dậy chống lại nhà Lý tự quản lý địa bàn truyền thống của dòng họ, của cộng đồng. Đôi khi họ còn đưa quân vượt biên giới sang đất Tống. Do đó, việc thu phục Nùng Trí Cao và thống nhất các dân tộc thành một khối dưới sự quản lý của triều đình Lý đã có tác dụng lớn trong

công cuộc giữ vững độc lập, chủ quyền của đất nước, góp phần quan trọng vào sự phòng thủ vững chắc của Đại Việt trong thế kỉ XI.

“Trong thời gian từ năm 1042 đến năm 1048, Nùng Trí Cao được nhà Lý giao cho cai quản vùng Quảng Nguyên và với chức Thái Bảo (từ 1043) đã giữ quan hệ tốt với triều đình trung ương, có công làm phen giậu nơi biên cương... Lúc đặt mình trong cộng đồng cư dân Đại Việt, phục tùng triều Lý, ông đã từng phát huy được vai trò tích cực của một tù trưởng trong công việc cai quản quê hương và bảo vệ biên cương của đất nước”¹ trong hoàn cảnh triều Tống thường cho quân quấy nhiễu

¹ Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.184.

vùng biên giới, âm mưu xâm lược, cướp bóc nguồn tài nguyên khoáng sản của vùng Quảng Nguyên.

Đối với nhà Tống, thái độ của Nùng Trí Cao ngay từ đầu là cương quyết chống lại. Xuất phát từ lòng yêu quê hương, bảo vệ biên cương của đất nước, Nùng Trí Cao xây dựng lực lượng hùng mạnh nhằm chống lại nhà Tống xâm lược. Bằng uy tín của mình, ông đã thu phục được đồng bào các dân tộc thiểu số tin tưởng và tham gia nghĩa quân kháng chiến, bảo vệ quê hương. Với sự kiện năm 1050, nhà Tống phát động cuộc chinh Nam. Khi quân Tống xâm phạm vùng biên giới, Nùng Trí Cao lập tức tập hợp nhân dân nổi dậy kháng chiến. Từ năm 1052, ông tiến công Quảng Châu, phát triển lực lượng mạnh mẽ, gây lo sợ cho nhà Tống. Nhà Tống

nhều lần tấn công nhưng đều thất bại, cuối cùng cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao bị dập tắt vào năm 1053. Tên tuổi và cuộc đời của Nùng Trí Cao trở thành biểu tượng của anh hùng dân tộc - người đã có công huy động, tập hợp các dân tộc thiểu số đứng lên chống Tống bảo vệ bờ cõi nước ta.

Khi tiến sang đất Tống, Nùng Trí Cao đã kết hợp chặt chẽ với cuộc nổi dậy của Hoàng Sư Mật, Hoàng Vị, Nùng Kiến Hậu, Nùng Trí Trung... để chiếm Ung Châu và Quảng Châu, nhằm “mưu toan việc khôi phục lại đất Âu Việt”¹. Vì thế, cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao không bị cô lập mà cùng với những cuộc nổi dậy

¹ Vương Hùng: “Thái - Thổ - Tày - Nùng”, trong *Văn hóa và lịch sử các dân tộc nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2002, tr.86-87.

khác đã đả kích vào bọn thống trị nhà Tống, chẳng những phù hợp với yêu cầu của dân tộc Choang mà còn phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và xu thế phát triển của lịch sử Trung Quốc¹.

Cuộc nổi dậy chống quân Tống của Nùng Trí Cao đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử đấu tranh của dân tộc. Ông đại diện cho ý chí và sức mạnh của nhân dân Cao Bằng trong công cuộc bảo vệ và giữ vững biên cương của Tổ quốc vào thế kỉ XI, người tiêu biểu cho ý thức tự giác của tộc người Tày, Nùng và là đại diện tiêu biểu cho ý chí quật cường của dân tộc thiểu

¹ Nam Rược: *Đổi Nùng Trí Cao khởi binh tính chất đích thảo luận*, Tạp chí Dân tộc nghiên cứu, số 8, 1959. Dẫn theo *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 1, in lần thứ hai (có sửa chữa và bổ sung), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1963, tr.210-211.

số ở vùng cao chống lại ách áp bức bóc lột của các thế lực phong kiến thống trị. Những thành tựu ông đạt được trong việc xây dựng và bảo vệ quê hương đã được nhân dân ghi nhận và tôn vinh, gắn liền với cuộc kháng chiến chống quân Tống của Đại Việt dưới triều Lý.

II. THỦ LĨNH NÙNG TRÍ CAO: TỪ ANH HÙNG DÂN TỘC ĐẾN BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA

Trong văn hóa và tín ngưỡng dân gian, Nùng Trí Cao từ một nhân vật lịch sử đã trở thành biểu tượng văn hóa, một vị thần sáng tạo và huyền thoại trong đời sống tâm linh của người dân Cao Bằng. Nguyên nhân sâu xa khiến nhân dân Cao Bằng, dân tộc Tày, Nùng tôn sùng và thần thánh hóa hình ảnh của ông chính là niềm tự hào về chức hàm Thái bảo do

vua Lý phong tặng, cùng với vai trò lãnh đạo nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Tống. Trong tâm thức người dân, hình ảnh Nùng Trí Cao - một vị thủ lĩnh tài ba, một người con ưu tú của dân tộc Tày, Nùng không chỉ là biểu tượng của sức mạnh và trí tuệ, mà còn là hiện thân của tinh thần yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân ta.

Nùng Trí Cao được nhân dân tôn sùng là vị thần trấn ải biên cương phía Bắc của Tổ quốc, biểu trưng cho ý chí, sức mạnh đoàn kết cộng đồng, lòng yêu quê hương, tinh thần quật cường sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ bờ cõi không bị kẻ ngoại tộc xâm chiếm. Ở khu vực biên giới, nhân dân đã lập đền thờ, như: Đền thờ Nùng Trí Cao, xóm Cốc Vương, xã Trường Hà; Miếu Nà

Thìn ở xã Cần Yên... vừa đề tỏ lòng ghi nhớ công ơn, vừa mong ông phù hộ, bảo vệ xóm làng, người dân yên ổn làm ăn, sinh sống nơi khu vực biên giới.

Trong tâm thức nhân dân, Nùng Trí Cao là thủ lĩnh thanh liêm, đức độ. Do đó các quan, tướng lĩnh của Nùng Trí Cao cũng liêm khiết và chăm lo tu dưỡng đức độ, không gây phiền hà, sách nhiễu dân chúng. Chiến thắng trở về, Nùng Trí Cao lo việc chấn chỉnh bộ máy. Ông chọn những người ở địa phương có uy tín, có đức độ, tài năng, biết chữ nghĩa ra làm việc. Ông cấm ngặt các quan ăn hối lộ, biếu xén, cấm sách nhiễu dân để dân được yên ổn làm ăn. Nùng Trí Cao chăm lo mở mang nhiều ngành nghề, sắp xếp việc làm, khuyến khích khai hoang. Ông tập hợp những người làm thuốc, biết nghề thuốc

lập ra những nhà chữa bệnh cho dân. Ông nhắc các động, các châu lưu ý mở nhiều trường, nhiều lớp dạy chữ cho các cháu nhỏ trong độ tuổi cần học... Với tư tưởng, hành động, việc làm nêu trên, cộng đồng người Tày, Nùng ở châu Quảng Nguyên cho rằng Nùng Trí Cao là người có công vô cùng lớn, người tràn đầy sự dũng cảm, một người anh hùng dân tộc.

Trong tín ngưỡng người Tày, Nùng, Nùng Trí Cao có một vai trò tâm linh rất lớn, là biểu tượng của sự khao khát tự do cho tộc người Tráng - Tày - Nùng. Trong quan niệm và niềm tin của nhân dân, Nùng Trí Cao là vị thần nông giúp nhân dân làm ăn sung túc, mùa màng bội thu, nuôi lợn, gà, trâu, bò sinh sôi đàn đông, tạo ra mưa thuận gió hòa, chống được hạn hán, lũ lụt... Nùng Trí Cao mang hình ảnh của một vị

thần sáng tạo trong nông nghiệp. Qua những câu chuyện truyền thuyết, người dân tin rằng ông có khả năng điều khiển thiên nhiên như mặt trời, mưa, đất đai, mang đến mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Các nghi lễ được thực hiện tại các ngày lễ hội và lễ tết hàng năm tại các đền, miếu thờ Nùng Trí Cao. Ngoài ra, mẹ của Nùng Trí Cao - Minh Đức Hoàng hậu A Nùng được nhân dân tôn thờ là thần gia súc, vì biết nhiều bài thuốc, am tường nhiều loại thảo dược chữa bệnh cho gia súc, gia cầm.

Nhân vật lịch sử Nùng Trí Cao đã được nhân dân tôn sùng, thần thánh hóa, với những câu chuyện nửa thực, nửa huyền thoại về ông đã in đậm trong tâm trí nhân dân, trở thành những câu chuyện ly kỳ, hấp dẫn được người già kể lại cho những người trẻ. Họ cho rằng, ông không chết theo

nghĩa thông thường mà sẽ “cưỡi ngựa bay về trời”, tức là ông trở về cõi linh thiêng và sẽ quay trở lại để phù hộ cho dân lành.

Biểu tượng văn hóa Nùng Trí Cao đã đi vào trong đời sống hàng ngày, trong phong tục tập quán, lễ hội của nhân dân. Đặc biệt vào dịp Rằm tháng Bảy, với món bánh gai và mâm cơm cúng cô hồn là dịp để đồng bào dân tộc Tày, Nùng tưởng nhớ vong linh những chiến binh của nghĩa quân Nùng Trí Cao. Lễ hội Tranh đầu pháo, xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng gắn liền với lễ khao quân của Nùng Trí Cao sau chiến thắng trở về, hay những địa danh gắn liền với Nùng Trí Cao như con đèo Mã Phục, Vàng Lầy, Vàng Lắc, Háng Riêng, kéo Cò Ma, Sải Kháng, Tắc Kha, Nà Rắc, Khau Dắm, núi Mạ Bân, núi Phja Mạ... Gần một nghìn năm đã trôi qua, tên tuổi và ảnh

hưởng của Nùng Trí Cao vẫn còn rất rõ nét trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc ở Cao Bằng. Những hoạt động tưởng nhớ và lễ hội thể hiện lòng sùng kính này phản ánh mối quan hệ gắn bó sâu sắc giữa cộng đồng và tự nhiên. Không chỉ đơn thuần là hình thức tôn kính, những hoạt động đó còn giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn kết của cộng đồng.

Trong tâm thức nhân dân, cuộc đời và sự nghiệp của Nùng Trí Cao được thể hiện rõ nét trong đôi câu đối trước Đền Kỳ Sầm:

Đế nghiệp vị thành thân dĩ lão

Vương phong thần tích quốc đồng hưu

(Dịch nghĩa: Sự nghiệp đế chưa hoàn thành thân đã lão/Vua phong tích thần cho nước được nghỉ ngơi).

III. NÙNG TRÍ CAO - NGƯỜI ANH HÙNG CÓ TẦM ẢNH HƯỞNG TO LỚN TRONG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ NGOÀI BIÊN GIỚI VIỆT NAM

Với vị thế và vai trò quan trọng trong lịch sử, Nùng Trí Cao được xem là nhân vật có ảnh hưởng lớn đối với các dân tộc thiểu số. Điều này thể hiện rõ qua sự kính trọng và sùng bái của nhân dân đối với ông. “Hình ảnh nửa thực, nửa huyền ảo về ông đã và vẫn in sâu trong tâm trí nhiều dân tộc. Đối với một số dân tộc như người Nùng, người Cơ Lao, người La Chí và một số nhóm Tày đen... hình ảnh về ông đã được coi là hình tượng của thánh thần, là biểu tượng của người hùng văn hóa và đồng bào đã coi ông là ông tổ

của mình”¹. “Ở nhiều nhóm Nùng (trừ nhóm Nùng Phàn Slình), Nùng Trí Cao còn đồng nhất với Phi hãng căn (tức Mã kỳ lân)”².

Ảnh hưởng to lớn của Nùng Trí Cao cũng thể hiện rõ qua hệ thống các tín ngưỡng và nhiều đền, miếu thờ ông vẫn còn tồn tại, được nhân dân gìn giữ và tổ chức cúng bái hàng năm. Các đền, miếu thờ Nùng Trí Cao không chỉ nằm trong phạm vi tỉnh Cao Bằng mà còn xuất hiện

¹ Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.47.

² Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.75. Mã kỳ lân là một tên gọi khác của “Kỳ lân” - con vật đứng hàng thứ hai trong bộ “tứ linh” (long, lân, quy, phụng), những linh vật quan trọng trong truyền thuyết và tín ngưỡng Á Đông. Kỳ lân tượng trưng cho sự bất tử, nhân từ và nhất là “cát tường” tức điềm lành. Mỗi khi nó xuất hiện là điềm báo thái bình thịnh trị, có thánh nhân ra đời.

tại một số tỉnh khu vực miền núi phía Bắc và cả ở bên ngoài biên giới Việt Nam.

Tại tỉnh Thái Nguyên có di tích đền Phja Deng ở xã Cường Lợi, khởi đầu đền thờ Nông (Nùng) Trí Cao, về sau đến thế kỉ XV, khi triều Lê sơ tăng cường chế độ lưu quan từ miền xuôi lên vùng biên trấn ải, thì Quốc thần Đinh Tiên Hoàng cùng được tôn thờ vào ngôi đền để tạo thêm uy thế, chỗ dựa tinh thần cho việc an dân, giữ nước ở nơi có vị trí chiến lược trọng yếu này, tuy nhiên hiện nay đền chỉ còn dấu tích.

Tỉnh Lạng Sơn có di tích Đền Phja Mi, còn gọi là đình Bản Chu, nằm tại thôn Bản Chu, xã Tràng Định. Thông qua tín ngưỡng thờ cúng tại ngôi đền, có thể thấy rõ vai trò và tầm ảnh hưởng to lớn của Nùng Trí Cao. Thần chủ của đền là

Nùng Trí Cao, cùng với thân mẫu của ông là bà A Nùng. Trong lễ hội đền Phja Mi được tổ chức vào ngày 12 tháng 4 âm lịch hằng năm, có tục cúng phân trâu đặc sắc và các nghi thức cầu mùa gắn liền với Nùng Trí Cao. Hình tượng của ông là thần nông, thành hoàng, sơn thần, đồng thời còn được xem là tổ tiên của các dòng họ trong cộng đồng. “Ở một số dòng họ người Nùng ở các xã, thị trấn thuộc khu vực cánh đồng Thất Khê và Tri Phương, Quốc Khánh còn thờ Nùng Trí Cao với tư cách là vị thần canh giữ cửa nhà với những tên gọi khác nhau như phji hang chàn (ma cuối sà), phji An Phủ (An Phủ tướng quân - Nùng Trí Cao). Đồng bào cho rằng việc thờ vị thần linh này có tính truyền thừa theo dòng họ và là vị thần bảo hộ cho gia đình được bình an. Từ đây, có

thể thấy, Nùng Trí Cao từ một vị anh hùng của dòng họ Nùng/ Nông đã thực sự trở thành một vị tiên hiền đáng kính của cộng đồng Tày, Nùng... đó là sự hiện hữu của tín ngưỡng thờ anh hùng và là sợi dây kết nối tinh thần đoàn kết dân tộc”¹.

Di tích đền Phja Mi đã được đưa vào Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (kèm theo Quyết định số 73/QĐ-UBND, ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn).

Tầm ảnh hưởng của Nùng Trí Cao đã vượt ra khỏi khu vực biên giới Đại Việt, ông là vị anh hùng trong lòng nhân dân các dân tộc thiểu số. Ở những vùng đất mà vị thủ lĩnh châu Quảng Nguyên từng đi qua,

¹ Nguyễn Văn Tiên, Nguyễn Văn Bách: *Giá trị lịch sử - văn hóa cụm di tích đền Phja Mi và chùa Linh Quang*, in trong *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, số 2 năm 2024, tr.88.

đến lãnh đạo “cuộc đấu tranh của nhân dân địa phương, chủ yếu là dân tộc Choang, chống lại chế độ áp bức, bóc lột của triều đình Tống”¹ giải phóng người dân khỏi gông cùm nô lệ của chính quyền phong kiến Trung Quốc, ông đã “bắt sống được hơn vạn người, cho trở về an nghiệp”².

Hiện nay, người dân ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số như ở Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), Thái Lan... vẫn còn những ngôi đền, miếu thờ phụng Nùng Trí Cao, minh chứng cho việc ghi nhận ơn đức của ông đối với nhân dân. Ở thành phố Nam Ninh, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc)

¹ Tỉnh ủy Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.182.

² Châu Hải Đường (dịch và biên soạn): *An Nam Truyện*. Sđd, tr.50.

hiện nay có 07 ngôi đền và ở tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) có 01 ngôi đền thờ Nùng Trí Cao. Xung quanh thành phố Nam Ninh cũng có 04 ngôi đền thờ Nùng Trí Cao, tuy tên gọi không trực tiếp. Từ các đền Nùng (Nùng) Trí Cao ở tây bắc Quảng Tây cho đến các đền Đại Vương quanh Nam Ninh, tín ngưỡng thờ Nùng (Nùng) Trí Cao tồn tại một cách rõ ràng hoặc ẩn giấu, phản ánh mối quan hệ tinh tế giữa lịch sử và ký ức. Người Tráng ở tây Quảng Tây và đông nam Vân Nam coi Nùng (Nùng) Trí Cao là anh hùng dân tộc kháng lại áp bức và bóc lột, tôn thờ ông như một vị thần và lập đền thờ phụng¹.

¹ Theo học giả Tăng Lan Hoa (Học viện Dân tộc học và Xã hội học, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc) tại bài viết “*Bàn về tín ngưỡng thờ cúng Nùng (Nùng) Trí Cao ở Nam Ninh, Quảng Tây*” tập 30, tạp chí định kỳ của Học viện Văn Sơn.

“Điều đáng lưu ý là, phạm vi ảnh hưởng của nhân vật Nùng Trí Cao... ở một số nước láng giềng như Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar (Miến Điện cũ) cũng coi ông là thủy tổ của mình...”¹. Tại Thái Lan, theo tác giả người Mỹ James Anderson, trong tác phẩm *Sào huyết nổi dậy của Nùng Trí Cao - Lòng trung nghĩa và bản sắc dân tộc dọc vùng biên giới Việt - Trung* có ghi sự việc sau khi cuộc nổi dậy Nùng Trí Cao bị nhà Tống đánh tan, Nùng Trí Cao được hộ tống đến phía bắc Thái Lan, nơi con cháu ông tiếp tục sinh sống cho đến ngày nay. Ngoài ra, một số nhóm người Thái ở Thái Lan cho rằng: “Nùng Trí Cao là ông tổ của nhiều nhóm người Thái đang sinh sống ở Thái Lan

¹ Tinh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.47-48.

hiện nay, nhất là nhóm cư dân vương quốc Lạn Na xưa... coi mảnh đất đã sinh ra ông như mảnh đất thánh... Nùng Trí Cao là người trời “khôn pha” được đầu thai và sinh ra tại đất Cao Bằng. Cho nên ông có rất nhiều phép lạ mà người khác không có”¹.

“Hằng năm, vào dịp đầu xuân mới, người Choang, người Đai ở Quảng Tây (Trung Quốc) thường tổ chức lễ hội thờ cúng Nùng Trí Cao. Các nhóm người Choang và người Đai (Thái) ở đây cũng coi Nùng Trí Cao là ông tổ của họ. Trong dịp lễ hội này cũng có phong tục thầy cúng chia thóc giống cho các gia đình. Lễ hội được tổ chức suốt ngày đêm và có nhiều trò chơi được nhiều người yêu thích”².

^{1, 2} Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Sđd, tr.45-49, tr.50.

IV. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC DI SẢN VĂN HÓA LIÊN QUAN ĐẾN NÙNG TRÍ CAO TẠI CAO BẰNG

Thông qua hệ thống đền, miếu thờ, các lễ hội và tấm lòng tôn sùng của nhân dân, Nùng Trí Cao đã trở thành một phần của tín ngưỡng dân gian, một phần của kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể mà bao thế hệ người dân miền Non nước Cao Bằng trân trọng, giữ gìn và tự hào.

Chúng ta cần bảo tồn và phát huy hệ thống các đền, miếu thờ phụng Nùng Trí Cao, bởi đây là nơi thể hiện lòng thành kính và sự tôn vinh của cộng đồng đối với ông. Chúng còn là nơi lưu giữ giá trị truyền thống và là các điểm tụ họp thiêng liêng nhằm giữ gìn niềm tin cộng đồng.

Những lễ hội hằng năm như Lễ hội Đền Kỳ Sầm, Lễ hội ở Cốc Vương, xã Trường

Hà, Lễ hội Tranh đầu pháo, xã Quảng Uyên... cần được giữ gìn và phát huy giá trị, bởi đó không chỉ là dịp để nhân dân thể hiện lòng kính trọng, tưởng nhớ và tạ ơn Nùng Trí Cao, mà còn là nơi nhân dân và khách thập phương nô nức trải hội gặp gỡ, giao lưu và thăm tình đoàn kết cộng đồng.

Những câu chuyện truyền thuyết dân gian liên quan đến Nùng Trí Cao là một phần quan trọng của kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam, từ đó giúp thế hệ trẻ hiểu rõ về nguồn cội, niềm tin, giá trị đạo đức và thể hiện ý nghĩa tâm linh sâu sắc.

Trong Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng¹ đã có các tên địa danh: Nùng Trí Cao, Bà Hoàng. Việc đặt tên phường Nùng Trí Cao cho một trong những đơn vị hành chính trung

¹ Quyết định số 508/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

tâm của tỉnh Cao Bằng có ý nghĩa sâu sắc và quan trọng, khẳng định và tôn vinh công lao to lớn của Nùng Trí Cao đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam nói chung, tỉnh Cao Bằng nói riêng.

Ngoài ra, đối với những địa danh gắn với sự tích Nùng Trí Cao như: Đèo Mã Phục, Vằng Lầy, Vằng Lắc, Háng Riêng, kéo Cò Ma... hay các món ăn ẩm thực như bánh gai... giúp giữ gìn giá trị văn hóa, lịch sử của khu vực và là nhân tố thu hút du khách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản liên quan đến Nùng Trí Cao gắn với giáo dục truyền thống cội nguồn dân tộc cho thế hệ trẻ và phát triển du lịch bền vững, đem lại lợi ích cho người dân là một hướng đi chiến lược mang lại nhiều giá trị thiết thực. Thông qua các hoạt động giáo dục truyền thống, thế hệ trẻ sẽ hiểu rõ hơn về lịch sử, văn hóa và

những giá trị tinh thần cao đẹp của ông cha, từ đó lan tỏa tình yêu quê hương, trách nhiệm bảo vệ và gìn giữ di sản của cộng đồng. Đồng thời, việc tích hợp các giá trị này vào hoạt động du lịch cộng đồng không những giúp nâng cao nhận thức của du khách về bản sắc văn hóa truyền thống mà còn góp phần cải thiện sinh kế cho người dân. Quan tâm gắn kết các hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh Nùng Trí Cao thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về giá trị của di sản. Đồng thời, xây dựng các công trình nhằm tưởng nhớ, tôn vinh công lao to lớn của Nùng Trí Cao, qua đó góp phần là điểm nhấn văn hóa thu hút du khách, thúc đẩy phát triển du lịch, nâng cao nhận thức cộng đồng về truyền thống, và giữ gìn niềm tự hào dân tộc trong lòng nhân dân các dân tộc Cao Bằng.

KẾT LUẬN

Gần 1.000 năm đã trôi qua cùng bao thăng trầm của lịch sử, Thủ lĩnh Nùng Trí Cao vẫn luôn được nhân dân tôn sùng và tưởng nhớ. Ông không chỉ là một vị thủ lĩnh kiệt xuất ở thế kỉ XI mà còn là một biểu tượng văn hóa, biểu tượng của ý chí và bản lĩnh dân tộc. Trong tâm thức người dân Cao Bằng, hình tượng Nùng Trí Cao được đúc kết từ tình cảm, khát vọng và đại diện cho cả cộng đồng với lòng yêu nước, ý chí tự cường và sự gắn bó của cộng đồng.

Nhân dân các dân tộc Cao Bằng tự hào khi mảnh đất quê hương đã sinh ra người anh hùng trấn ải biên cương, để lại dấu

ấn đậm nét trong lịch sử dân tộc. Những chiến công oanh liệt chống giặc Tống ở thế kỉ XI vừa khẳng định tài thao lược, tinh thần bất khuất của Nùng Trí Cao, vừa trở thành nguồn cảm hứng, tiếp thêm sức mạnh cho bao thế hệ. Cuộc đời ông tuy ngắn ngủi, nhưng cùng với nghĩa quân của mình, Nùng Trí Cao đã viết nên một trang sử rực rỡ, để lại ánh sáng như vì sao bất diệt trên bầu trời biên cương Tổ quốc.

Tầm vóc của Nùng Trí Cao không dừng lại trong phạm vi biên giới quốc gia. Tên tuổi và ảnh hưởng của ông còn lan tỏa ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, in dấu trong lịch sử các vùng đất phía nam Trung Quốc, thậm chí cả Thái Lan. Điều đó cho thấy, những giá trị lịch sử - văn hóa mà ông để lại không chỉ thuộc về

riêng Cao Bằng hay Việt Nam, mà đã trở thành một phần của di sản chung, góp phần làm phong phú thêm lịch sử và văn hóa của nhiều cộng đồng trong khu vực.

Đối với quê hương Cao Bằng, Nùng Trí Cao không chỉ là nhân vật lịch sử, mà trở thành biểu tượng văn hóa, một vị thần sáng tạo và huyền thoại trong đời sống tâm linh của người dân. Dấu ấn của ông hiện hữu trong những địa danh, di tích, trong câu chuyện của lớp cha ông kể lại, và trong niềm tự hào lặng thầm của mỗi người dân miền biên viễn. Việc lưu giữ, nghiên cứu và tôn vinh giá trị lịch sử gắn với ông không chỉ là trách nhiệm thiêng liêng, mà còn là nguồn động lực để thế hệ hôm nay thêm trân trọng quá khứ, hun đúc niềm tin và ý chí vươn lên. Trong hành trình hiện thực hóa mục tiêu xây

dựng “Cao Bằng hạnh phúc”, hình tượng Nùng Trí Cao trở thành ngọn lửa tinh thần, khơi dậy khát vọng vươn lên và sức mạnh đoàn kết, giúp toàn Đảng bộ và nhân dân chung sức, đồng lòng dựng xây quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh, bền vững và vững vàng tiến bước trong thời kỳ hội nhập, phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

2. Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Nùng Trí Cao (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Sở Khoa học công nghệ và Môi trường, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1995.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng: *Địa lí - Lịch sử tỉnh Cao Bằng (Tài liệu dùng cho các trường Phổ thông tỉnh Cao Bằng)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

4. Bảo tàng tỉnh Cao Bằng: *Đền, chùa, miếu Cao Bằng*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2020.

5. Triều Ân (sưu tầm, giới thiệu): *Huyền thoại dân tộc Tày, Toạ nửa đĩa gần Tày (song ngữ Việt - Tày)*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2010.

6. Hoàng Bắc: *Thái bảo Nùng Trí Cao - Lịch sử và huyền tích*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2025.

7. *Chuyện kể về Nùng Trí Cao*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 2000.

8. Châu Hải Đường (dịch và biên soạn): *An Nam Truyện - Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2022.

9. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 1, in lần thứ hai (có sửa chữa và bổ sung), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1963.

9. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư (toàn tập)*, (Dịch giả Cao Huy Giu, Hiệu đính Đào Duy Anh), Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009.

10. Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt lịch sử ngoại giao và tông giáo thời Lý*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.

11. Nguyễn Duy Hinh: *Văn minh Đại Việt*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2017.

12. Lý Văn Phụng: *Việt Kiều thư*, Châu Hải Đường khảo đính và dịch, Nxb. Hội Nhà văn, 2022.

13. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.

14. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.

15. Cao Tự Thanh (dịch và giới thiệu): *Lịch sử Việt Nam qua chính sử Trung Hoa - Tổng sử, nguyên sử, tân nguyên sử, thanh sử cảo*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2024.

16. Lê Tắc: *An Nam chí lược*, Nxb. Lao động, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, 2009.

17. Trần Thị Vinh (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam (Tập 2 Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

18. *Việt sử lược*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	3
Phần thứ nhất Cuộc đời và sự nghiệp của Nùng Trí Cao	7
Phần thứ hai Các tư liệu lịch sử về nhân vật Nùng Trí Cao trên đất Cao Bằng	19
I. Tư liệu truyền miệng, tư liệu thành văn và tư liệu dân tộc học	19
II. Các di tích liên quan đến nhân vật Nùng Trí Cao ở Cao Bằng	40
Phần thứ ba Ghi nhận và tôn vinh nhân vật Nùng Trí Cao trong lịch sử dân tộc và quê hương Cao Bằng	56
I. Thủ lĩnh Nùng Trí Cao có công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống Tống dưới thời Lý ở thế kỉ XI	57

	<i>Trang</i>
II. Thủ lĩnh Nùng Trí Cao: Từ anh hùng dân tộc đến biểu tượng văn hóa	77
III. Nùng Trí Cao - Người anh hùng có tầm ảnh hưởng to lớn trong cộng đồng các dân tộc miền núi phía Bắc và ngoài biên giới Việt Nam	84
IV. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa liên quan đến Nùng Trí Cao tại Cao Bằng	93
Kết luận	97
Tài liệu tham khảo	101

Chịu trách nhiệm xuất bản

NÔNG THANH TÙNG

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Chỉ đạo nội dung

BẾ THANH TỊNH

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

SẨM VIỆT AN

Tỉnh uỷ viên, Tổng Biên tập Báo Cao Bằng, Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BẾ LAN PHƯƠNG

Nguyên Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

TRIỆU THỊ THU TRANG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Biên soạn nội dung

TRIỆU THỊ THU TRANG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

HOÀNG THỊ HUYỀN

Trưởng phòng Quản lý Di sản địa chất và Hợp tác quốc tế, Ban Quản lý Công viên địa chất Non nước Cao Bằng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

NÔNG LÝ HUỆ

Phó Trưởng phòng Sơ tư, Kiểm kê, Bảo quản, Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

HOÀNG MAI TRINH

Chuyên viên phòng Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Trình bày bìa

HOÀNG MAI TRINH

Sửa bản in

HOÀNG MAI TRINH

* Giấy phép xuất bản số 31/GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng cấp ngày 08 tháng 9 năm 2025.

* In 9.600 cuốn, khổ 10 x 14,5 cm, tại: Công ty cổ phần in Việt Lập Cao Bằng, địa chỉ: Tổ 1, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

* Nộp lưu chiếu: Tháng 9/2025.